

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3843 316 Fax: (061) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các Công ty con, cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.
 - + Kỳ báo cáo: Năm
 - + Năm: 2015

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/02/2016 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân

**Người được ủy quyền
công bố thông tin**



Lê Duy Diệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 40



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Nhóm công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000 VND.

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bính	Thành viên
Ông Lê Duy Diệp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bính	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc (đến ngày 31 tháng 10 năm 2015)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG

Số: 16.109 HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2016 từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 30 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0544-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		561.545.397.534	403.616.738.365
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	223.545.058.293	234.706.376.708
1. Tiền	111		59.851.214.483	160.855.705.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		163.693.843.810	73.850.670.789
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		297.095.005.513	96.543.431.474
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	86.775.428.591	82.938.372.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	208.384.945.089	10.084.474.987
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.277.582.059	5.863.534.315
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(2.342.950.226)	(2.342.950.226)
IV. Hàng tồn kho	140		38.622.216.531	46.360.731.116
1. Hàng tồn kho	141	5.7	38.622.216.531	46.360.731.116
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.283.117.197	26.006.199.067
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.290.660.844	9.321.278.457
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		515.184.460	15.251.048.838
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		477.271.893	1.433.871.772
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.710.242.313.275	2.645.981.865.708
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.753.316.818	1.753.316.818
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.753.316.818	1.753.316.818
II. Tài sản cố định	220		2.561.843.349.209	1.566.177.525.321
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.536.811.628.996	1.541.129.721.725
- Nguyên giá	222		3.759.598.671.738	2.580.983.901.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.222.787.042.742)	(1.039.854.179.379)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	25.031.720.213	25.047.803.596
- Nguyên giá	228		27.055.949.338	26.915.949.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.024.229.125)	(1.868.145.742)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		112.683.295.623	1.058.861.132.339
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	112.683.295.623	1.058.861.132.339
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.875.003.431	13.524.124.780
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	10.335.280.941	10.454.402.290
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	3.069.722.490	3.069.722.490
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(530.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.087.348.194	5.665.766.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	20.291.136.060	4.645.299.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	796.212.134	1.020.466.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.271.787.710.809	3.049.598.604.073

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.941.300.387.637	1.838.241.150.113
I. Nợ ngắn hạn	310		479.127.637.149	910.531.162.904
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	24.998.877.244	42.375.709.055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.704.068.454	4.014.188.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	19.986.113.577	33.344.798.014
4. Phải trả người lao động	314		7.320.793.211	7.089.359.993
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.900.093.429	5.116.252.085
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	24.827.430.541	467.285.003.391
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	376.767.470.597	331.720.167.579
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.622.790.096	19.585.684.115
II. Nợ dài hạn	330		1.462.172.750.488	927.709.987.209
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		7.440.282.725	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	219.486.424.695	49.464.715.262
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	1.235.246.043.068	878.245.271.947
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.330.487.323.172	1.211.357.453.960
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17.1	1.329.679.361.110	1.210.484.088.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.17.2	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.240.361.167	18.240.479.075
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		179.486.291	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.030.009.579	34.423.416.050
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		237.805.277.465	129.748.298.034
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		102.609.315.448	129.748.298.034
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		135.195.962.018	-
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		101.659.992.708	92.307.661.091
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		807.962.062	873.365.810
1. Nguồn kinh phí	431		807.962.062	873.365.810
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.271.787.710.809	3.049.598.604.073

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THU OANH



GIÁM ĐỐC

PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	830.693.510.317	677.850.531.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	167.069.152	25.805.847
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		830.526.441.165	677.824.725.180
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	536.836.200.187	474.021.157.242
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		293.690.240.978	203.803.567.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	52.144.303.925	171.772.351.588
7. Chi phí tài chính	22	6.5	53.736.580.579	44.160.103.410
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.299.685.334	40.493.811.659
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.924.846.311	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	66.906.385.076	56.909.723.560
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	50.643.764.656	52.374.113.844
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177.472.660.903	222.131.978.712
12. Thu nhập khác	31		5.600.834.251	1.355.495.628
13. Chi phí khác	32		5.698.523.854	1.324.036.397
14. Lợi nhuận khác	40		(97.689.603)	31.459.231
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.374.971.300	222.163.437.943
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	38.384.927.379	48.667.195.491
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		224.254.762	251.164.129
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		138.765.789.159	173.245.078.323
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		120.338.472.147	151.210.192.562
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		18.427.317.012	22.034.885.761
21. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	5.17.4	1.118	-


Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THU OANH

GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		177.374.971.300	222.163.437.943
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		176.554.887.657	162.024.632.070
Các khoản dự phòng	03		530.000.000	(1.059.525.195)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(44.795.445.421)	(136.795.309.230)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.285.495.891)	13.655.012.681
Chi phí lãi vay	06		52.299.685.334	40.747.200.881
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		351.678.602.979	300.735.449.150
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(160.177.315.044)	87.912.692.254
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.738.514.585	(4.549.963.415)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(309.354.684.553)	373.949.264.259
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(15.645.836.506)	(1.948.689.294)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(46.771.348.897)	(41.324.246.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(48.925.756.805)	(25.272.633.957)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.886.993.112	1.622.866.895
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.685.165.912)	(7.743.650.951)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(227.255.997.041)	683.381.087.990
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(232.915.348.705)	(673.767.937.962)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.339.000.000	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.172.114.677	4.965.695.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(226.368.734.028)	(658.802.242.604)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	952.458.217.641	822.582.641.292
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(504.127.330.877)	(711.926.714.457)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(5.867.474.110)	(12.538.695.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		442.463.412.654	98.117.231.027
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(11.161.318.415)	122.696.076.413
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		234.706.376.708	112.010.300.295
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		223.545.058.293	234.706.376.708

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THU OANH

GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Công ty đã đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Cuối năm		ĐVT: Nghìn đồng Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng	1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 934 nhân viên (31/12/2014: 1.039 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%

1.6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36%	36%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong kỳ, Nhóm công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

4.2 Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Nhóm công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.3 Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Nhóm công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.2.

4.4 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.7 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8 Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là khoản chi phí trả trước dài hạn trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đánh giá lại tài sản cổ phần hóa, chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng kho còn phải phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 20 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
+ Tài sản cố định khác	10 năm

4.11 Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là các giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao của lô đất từ 20 đến 46 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao trong 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.12 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.13 Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.14 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá

phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

4.15 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.17 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

4.18 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.

4.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.21 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước: 5%
- Dịch vụ lắp đặt: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.25 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.26 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.3, từ năm 2015, Nhóm công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản		
Phải thu khác	-	7.036.406.836
Phải thu ngắn hạn khác	5.863.534.315	-
Phải thu dài hạn khác	1.753.316.818	-
Tài sản ngắn hạn khác	1.433.871.772	2.014.316.069
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.020.466.896	1.249.599.560
Nguồn vốn		
Vay và nợ ngắn hạn	-	187.693.867.048
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	331.720.167.579	-
Vay và nợ dài hạn	-	1.022.271.572.478
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	878.245.271.947	-
Phải trả ngắn hạn khác	467.285.003.391	99.589.359.729
Phải trả dài hạn khác	49.464.715.262	417.160.358.924
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.094.017.958
Quỹ đầu tư phát triển	34.423.416.050	31.329.398.092
Lợi nhuận chưa phân phối	129.748.298.034	129.977.430.698

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT 200	VND CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ- BTC
Tạm ứng, ký quỹ, ký cược	Trình bày là phải thu ngắn hạn khác	Trình bày là tài sản ngắn hạn khác

4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	188.563.699	262.871.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.662.650.784	160.592.834.039
Các khoản tương đương tiền	163.693.843.810	73.850.670.789
Cộng	<u>223.545.058.293</u>	<u>234.706.376.708</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.3. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
	Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Hoạt động cung cấp nước	74.516.960.070	-	72.494.890.899	-	
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt	12.258.468.521	2.342.950.226	10.443.481.499	2.342.950.226	
Cộng	86.775.428.591	2.342.950.226	82.938.372.398	2.342.950.226	

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	5.573.475	-	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	1.719.825	-	1.377.010	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	679.650	-	150.554.275	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	322.625	-	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	-	21.332.730	-
Cộng	8.295.575	-	173.264.015	-

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Nhà thầu Kumho Industrial	166.826.752.397	-
Trả trước cho các đối tượng khác	41.558.192.692	10.084.474.987
Cộng	208.384.945.089	10.084.474.987

Trong đó, trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 8

Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.852.046.647	7.852.046.647
Cộng	7.852.046.647	7.852.046.647

5.5. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
	Ngắn hạn				
Phải thu tiền tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	924.801.764	-	2.183.974.096	-	
Phải thu Ngân sách tiền công trình di dời cầu bơm Xí nghiệp nước Biên Hòa	596.199.500	-	934.644.000	-	
Tạm ứng bồi thường cho các hộ dân thuộc dự án cấp nước Nhơn Trạch	1.454.792.617	-	571.163.825	-	
Phải thu khác	1.301.788.178	-	2.173.752.394	-	
Cộng	4.277.582.059	-	5.863.534.315	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.6. Nợ xấu

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
	Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	-	Trên 03 năm	2.271.119.074	-	
Khách hàng khác	71.831.152	-	Trên 03 năm	71.831.152	-	Trên 03 năm	
Cộng	2.342.950.226	-		2.342.950.226	-		

5.7. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Nguyên liệu, vật liệu	37.641.610.088	-	45.252.166.905	
Công cụ, dụng cụ	286.946.214	-	685.909.187	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	669.386.876	-	392.245.646	-	
Thành phẩm	24.273.353	-	30.409.378	-	
Cộng	38.622.216.531	-	46.360.731.116	-	

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hệ thống cấp nước Xã Long Hưng, TP. Biên Hòa giai đoạn 2 - 20.400m ³ /ngày	26.129.241.789	21.694.551.516
Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	26.776.519.856	15.029.319.371
Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	10.371.725.927	-
Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom	10.387.287.590	10.204.153.687
Hệ thống cấp nước 5 Xã Kiệm Tân và Đô thị Dầu Giây	5.963.776.415	-
Cải tạo trạm bơm Tân Hưng Hòa	5.236.638.175	-
Dự án cấp nước Nhơn Trạch	313.871.950	963.824.140.834
Hệ thống cấp nước Phường Bửu Hòa	-	18.566.727.343
Dự án khác	27.504.233.921	29.542.239.588
Cộng	112.683.295.623	1.058.861.132.339

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục						VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	506.094.642.211	641.782.045.310	1.410.198.435.935	19.933.114.804	2.975.662.844	2.580.983.901.104
Mua trong năm	1.095.199.000	12.131.559.396	1.103.632.954	931.034.949	-	15.261.426.299
Đầu tư XDCB hoàn thành	164.777.165.990	410.574.853.137	561.200.909.310	20.252.921.109	-	1.156.805.849.546
Tặng khác	-	-	152.157.481.436	-	-	152.157.481.436
Thanh lý, nhượng bán	-	(145.384.162.756)	(177.407.791)	(48.416.100)	-	(145.609.986.647)
Số dư cuối năm	671.967.007.201	919.104.295.087	2.124.483.051.844	41.068.654.762	2.975.662.844	3.759.598.671.738
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	212.535.632.119	248.986.917.139	569.711.596.705	6.584.574.413	2.035.459.003	1.039.854.179.379
Khấu hao trong năm	32.022.111.478	63.953.615.145	76.845.796.812	3.490.439.268	86.841.571	176.398.804.274
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	7.014.406.331	-	-	7.014.406.331
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(431.931.142)	(48.416.100)	-	(480.347.242)
Số dư cuối năm	244.557.743.597	312.940.532.284	653.139.868.706	10.026.597.581	2.122.300.574	1.222.787.042.742
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	293.559.010.092	392.795.128.171	840.486.839.230	13.348.540.391	940.203.841	1.541.129.721.725
Tại ngày cuối năm	427.409.263.604	606.163.762.803	1.471.343.183.138	31.042.057.181	853.362.270	2.536.811.628.996

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.203.896.786.579 đồng – Xem thêm mục 5.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.285.038.251 đồng.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện từ cho khách hàng	13.527.852.922	4.396.376.011
Chi phí khác	6.763.283.138	248.923.543
Cộng	<u>20.291.136.060</u>	<u>4.645.299.554</u>

5.12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chuyển nhượng tài sản cố định trong Nhóm công ty.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm nay	Khấu hao TSCĐ 1.020.466.896
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm	(224.254.762)
Số dư cuối năm	<u>796.212.134</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.13. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	376.767.470.597	376.767.470.597	728.142.397.483	539.068.793.934	331.720.167.579	331.720.167.579	
Vay dài hạn	1.235.246.043.068	1.235.246.043.068	1.490.541.423.618	1.131.748.091.114	878.245.271.947	878.245.271.947	
Cộng	1.612.013.513.665	1.612.013.513.665	2.218.683.821.101	1.670.816.885.048	1.209.965.439.526	1.209.965.439.526	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Cuối năm (VND)	Đầu năm (VND)	
<i>Vay ngắn hạn</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	VND	5,4%/năm - 6%/năm	116.079.835.492	96.083.343.475	(a)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	VND	5,4%/năm – 5,9%/năm	9.276.694.908	45.141.985.395	(b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6%/năm – 6,8%/năm	83.925.128.339	46.468.538.178	(c)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	5,4%/năm	21.666.949.944	-	(d)
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương		7,5%/năm - 9,5%/năm	45.823.792.600	12.946.177.552	(f)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	13.634.000.000	14.286.400.000	(g)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	8%/năm		6.207.865.411	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	USD, JPY	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,5%/năm đối với khoản vay JPY	85.782.485.980	110.585.857.568	(h)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,27%/năm – 6,51%/năm	578.583.334	-	(i)
Cộng			376.767.470.597	331.720.167.579	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Cuối năm (VND)	Đầu năm (VND)	
<i>Khoản vay dài hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công Thương	VND	7,5%/năm - 9,5%/năm	2021	182.406.482.792	89.504.394.205	(f)
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	2018	41.766.733.566	41.070.523.273	(g)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9% /năm	2021	7.852.046.647	-	(k)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	USD, JPY	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,5%/năm đối với khoản vay JPY	2028	988.037.929.653	747.670.354.469	(h)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,27%/năm – 6,51%/năm	2022	6.364.416.666	-	(i)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7,5%/năm	2026	8.818.433.744	-	(j)
Cộng				<u>1.235.246.043.068</u>	<u>878.245.271.947</u>	

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011.
- + Hệ thống cấp nước Thạnh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011.
- + Quyền sử dụng đất tại Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số O934404 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/03/2000.
- + Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312604100101 do Sở Xây Dựng cấp ngày 23/4/2009 theo Hợp đồng thế chấp số 14.31.300039704/HĐTC-BĐS-DOWACO ngày 14/08/2014.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Một phần nhà máy nước Thiện Tân.
- + Công trình hệ thống cấp nước Thạnh Phú.
- + Một phần tài sản hình thành từ dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1.
- + QSD đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đnai theo GCN QSD đất số O934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101.

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Tuyến ống cấp nước công suất 3.100 m³/ngày đêm tại khu phố 3,4 phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa.
- + Toàn bộ tài sản thuộc dự án đầu tư thiết bị máy bơm ly tâm trục đứng Q = 1.000m³/h cho trạm bơm nước thô Xí nghiệp nước Biên Hòa.
- + Tuyến ống chuyển tải cấp nước công suất 6.800m³/ ngày đêm cho Khu dân cư Khu phố 9, 11, Phường Tân Phong, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- + 02 máy bơm dự phòng cho Xí nghiệp nước Thiện Tân.
- + 09 máy bơm cho Xí nghiệp nước Biên Hoà, Vĩnh An, Xuân Lộc.
- + Nhà làm việc Xí nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
- + Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước phường Tân Biên, TP Biên Hoà.

(h) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch.

(k) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m³/ngày, thuộc loại công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp III.

Các hợp đồng tại mục (b), (c), (d), (i) và (j) là các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục Thuyết minh 5.9 và 5.10

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.14. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.358.883.652	7.358.883.652	4.447.005.901	4.447.005.901	
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Hùng	3.988.297.500	3.988.297.500	-	-	
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	3.269.904.000	3.269.904.000	1.072.500.000	1.072.500.000	
Phải trả cho các đối tượng khác	10.381.792.092	10.381.792.092	36.856.203.154	36.856.203.154	
Cộng	24.998.877.244	24.998.877.244	42.375.709.055	42.375.709.055	
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9					
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.358.883.652	7.358.883.652	4.447.005.901	4.447.005.901	
Cộng	7.358.883.652	7.358.883.652	4.447.005.901	4.447.005.901	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	VND Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.060.605.619	612.492.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.722.187.652	25.797.833.164
Thuế thu nhập cá nhân	526.023.690	573.061.335
Thuế tài nguyên	444.725.212	554.701.675
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.680.173.743
Các khoản phí, lệ phí	2.232.571.404	2.126.535.505
Cộng	19.986.113.577	33.344.798.014

5.16. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tiền nước chưa quyết toán	9.689.354.914	10.202.479.937
Lợi nhuận chuyển về công ty mẹ còn phải trả - Xem thêm thuyết minh mục 9	8.641.828.689	-
Phí bảo vệ môi trường	2.147.370.687	2.379.382.035
Kinh phí công đoàn	1.614.060.660	1.617.140.864
Thu hộ Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai	628.530.000	434.725.314
Khoản thanh toán liên quan các dự án xây dựng cơ bản dở dang	-	367.695.643.662
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.106.285.591	84.955.631.579
Cộng	24.827.430.541	467.285.003.391
Dài hạn:		
Phải trả nhà thầu Kumho – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	166.993.578.976	-
Phải trả ngân sách	37.661.623.300	32.753.790.300
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	11.672.106.399	3.996.453.355
Phải trả dự án di dời trạm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Khoản tài trợ từ Công ty Kolon Contruction	-	1.224.630.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.254.116.020	9.584.841.207
Cộng	219.486.424.695	49.464.715.262

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

ĐVT: Nghìn đồng

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
Số dư đầu năm trước	320.907.986	-	2.688.209	-	48.978.301	2.660.868	-	32.202.840	117.781.123	77.167.525	602.386.852
Tăng vốn trong năm trước	679.092.014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	679.092.014
Đánh giá lại khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	(64.235.766)	-	-	-	-	-	-	(64.235.766)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	151.210.193	-	22.034.886	173.245.079
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	11.853.654	433.150	-	(12.286.804)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(14.336.361)	-	(2.102.450)	(16.438.811)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.792.300)	(4.792.300)
Tăng do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	-	-	-	163.178.981	-	-	-	163.178.981
Giảm do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	-	(25.248.147)	-	(163.178.981)	(19.363.701)	(117.781.123)	-	(325.571.952)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(7.739.837)	-	-	(7.739.837)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	291.101	-	-	291.101
Xác định giá trị doanh nghiệp(*)	-	-	15.552.270	-	(4.254.410)	-	-	-	-	-	11.297.860
Trình bày lại	-	-	-	-	3.094.018	(3.094.018)	-	(229.133)	-	-	(229.133)
Số dư đầu năm nay	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>18.240.479</u>	<u>(64.235.766)</u>	<u>34.423.416</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>129.748.298</u>	<u>-</u>	<u>92.307.661</u>	<u>1.210.484.088</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

ĐVT: Nghin đồng

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000	-	18.240.479	(64.235.766)	34.423.416	-	-	129.748.298	-	92.307.661	1.210.484.088
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	120.338.472	-	18.427.317	138.765.789
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	1.606.594	-	-	(1.606.594)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.417.531)	-	(1.302.499)	(2.720.030)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	(662.385)	-	(600.744)	(1.263.129)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.170.000)	(7.170.000)
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(8.641.829)	-	-	(8.641.829)
Tăng/Giảm khác	-	179.486	(118)	-	-	-	-	46.845	-	(1.742)	224.472
Số dư cuối năm	1.000.000.000	179.486	18.240.361	(64.235.766)	36.030.010	-	-	237.805.277	-	101.659.993	1.329.679.361

(*) Căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai để bàn giao vốn cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2014.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của công ty mẹ	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Vốn góp của các đối tượng khác	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng	1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

5.17.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.17.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VND Năm nay
Lãi sau thuế của cổ đông của Nhóm công ty	120.338.472.147
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.539.802.472)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	111.798.669.675
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu^(*)	1.118

(*) Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	5.467,20	5.472,26

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước	775.032.929.701	644.730.096.156
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	55.660.580.616	33.120.434.871
Cộng	830.693.510.317	677.850.531.027

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	69.334.656.674	63.104.707.601
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	52.655.617.770	31.948.429.275
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	667.675.782	335.415.062
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	648.945.177	528.989.499
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	550.219.663	179.296.073
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	464.006.920	44.948.170
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	337.222.780	208.869.325
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	102.307.450	213.881.043
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	68.167.325	151.867.588
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	17.991.750	18.044.145
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	13.529.520	10.549.640
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	8.524.615	5.002.270
Cộng	124.868.865.426	96.749.999.691

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

6.3. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	490.481.824.719	443.853.951.039
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	46.354.375.468	30.167.206.203
Cộng	536.836.200.187	474.021.157.242

Trong đó, giá vốn hàng bán đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 9

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	80.055.429.648	67.667.382.518
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	108.300.000	515.945.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	-	1.160.000
Cộng	80.163.729.648	68.184.488.018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.795.445.421	140.461.600.981
Cổ tức, lợi nhuận được chia	197.455.500	1.242.487.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.847.666.749	225.550.795
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.802.703.915	3.680.912.712
Lãi bán các khoản đầu tư	501.032.340	26.161.799.600
Cộng	<u>52.144.303.925</u>	<u>171.772.351.588</u>

6.5. Chi phí tài chính

Chủ yếu là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

6.6. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	25.386.948.219	16.542.769.459
Chi phí bằng tiền khác	21.748.206.776	18.877.223.334
Chi phí nhân viên	18.250.018.654	17.983.227.523
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.521.211.427	3.506.503.244
Cộng	<u>66.906.385.076</u>	<u>56.909.723.560</u>

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	30.927.816.319	28.689.772.598
Chi phí khác bằng tiền	8.899.853.995	9.831.077.281
Thuế, phí và lệ phí	4.397.951.187	8.218.394.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.287.818.299	931.658.221
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.130.324.856	4.703.211.266
Cộng	<u>50.643.764.656</u>	<u>52.374.113.844</u>

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	27.364.710.150	35.481.769.985
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	9.434.816.087	11.921.266.524
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	1.585.401.142	1.264.158.982
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>38.384.927.379</u>	<u>48.667.195.491</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.586.922.420	87.475.592.668
Chi phí nhân công	170.839.332.029	133.891.303.579
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.718.627.312	166.722.058.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.883.984.754	166.856.800.615
Chi phí khác bằng tiền	97.129.837.685	28.359.238.886
Cộng	<u>654.158.704.200</u>	<u>583.304.994.646</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	952.458.217.641
Cộng	<u>952.458.217.641</u>

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	504.127.330.877
Cộng	<u>504.127.330.877</u>

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Ngoài ra, Nhóm công ty không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Doanh thu của Nhóm công ty được thực hiện trong khu vực Tỉnh Đồng Nai. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và các cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	Công ty cùng tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	Công ty cùng tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
14. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
15. Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Phải thu – Xem thêm mục 5.3					
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	5.573.475	-	-	-	
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	1.719.825	-	1.377.010	-	
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	679.650	-	150.554.275	-	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	322.625	-	-	-	
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	-	21.332.730	-	
Cộng	8.295.575	-	173.264.015	-	

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	8.520.372	-	8.520.372	-	
Cộng	8.520.372	-	8.520.372	-	

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.4					
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	7.852.046.647	-	7.852.046.647	-	
Cộng	7.852.046.647	-	7.852.046.647	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.16		
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	8.641.828.689	-
Cộng	8.641.828.689	-

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 6.1		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	69.334.656.674	63.104.707.601
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	52.655.617.770	31.948.429.275
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	667.675.782	335.415.062
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	648.945.177	528.989.499
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	550.219.663	179.296.073
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	464.006.920	44.948.170
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	337.222.780	208.869.325
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	102.307.450	213.881.043
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	68.167.325	151.867.588
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai	17.991.750	18.044.145
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	13.529.520	10.549.640
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	8.524.615	5.002.270
Cộng	124.868.865.426	96.749.999.691

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng - Xem thêm mục 6.3		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	80.055.429.648	67.667.382.518
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	108.300.000	515.945.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học	-	1.160.000
Cộng	80.163.729.648	68.184.488.018

- Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giám đốc	697.282.600	723.569.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	2.978.706.687	2.335.573.857
Thủ lao Hội đồng quản trị	432.000.000	338.300.000
Cộng	4.107.989.287	3.397.442.857

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 01 năm 2016.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THU OANH

GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

